

STT	Người ký	Đơn vị	Thời gian ký	Ý kiến
1	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN		08/07/2026 07:57:05	Đã đóng dấu

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐLĐK

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu Tư vấn đánh giá kỹ thuật và lập báo cáo đề xuất đầu tư cho các nhà máy nhiệt điện của PV Power đáp ứng QCVN 19:2024 về khí thải công nghiệp

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-ĐLĐK ngày 25/9/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa, dịch vụ và bảo trì công trình xây dựng phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-ĐLĐK ngày 04/2/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-ĐLĐK ngày 30/1/2026 về việc giao kế hoạch chi phí hoạt động năm 2026 cho Cơ quan Văn phòng Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 519/QĐ-ĐLĐK ngày 04/5/2026 về việc Phân công công việc trong Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-ĐLĐK ngày 30/7/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc ủy quyền cho ông Ngô Văn Chiến;

Căn cứ Quyết định số 643/QĐ-ĐLĐK ngày 02/6/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phạm vi công việc và dự toán tư vấn đánh giá kỹ thuật và lập báo cáo đề xuất đầu tư cho các nhà máy nhiệt điện của PV Power đáp ứng QCVN 19:2024 về khí thải công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-ĐLĐK ngày 11/6/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc thành lập Tổ chuyên gia gói thầu Tư vấn đánh giá kỹ thuật và lập báo cáo đề xuất đầu tư cho các Nhà máy nhiệt điện của PV Power đáp ứng QCVN 19:2024 về khí thải công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-ĐLĐK ngày 18/6/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu tư vấn đánh giá kỹ thuật và lập báo cáo đề xuất đầu tư cho các nhà máy nhiệt điện của PV Power đáp ứng QCVN 19:2024 về khí thải công nghiệp;

Xét đề nghị của Ban ATSKMT tại Tờ trình số 110/TTr-ATSKMT ngày 03/7/2026 về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu tư vấn đánh giá kỹ thuật và lập báo cáo đề xuất đầu tư cho các nhà máy nhiệt điện của PV Power đáp ứng QCVN 19:2024 về khí thải công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Hồ sơ mời thầu của gói thầu tư vấn đánh giá kỹ thuật và lập báo cáo đề xuất đầu tư cho các nhà máy nhiệt điện của PV Power đáp ứng QCVN 19:2024 về khí thải công nghiệp (như tài liệu đính kèm).

Điều 2: Giao Ban An toàn Sức khỏe Môi trường làm đầu mối, phối hợp với các Ban liên quan, Tổ chuyên gia triển khai thực hiện các công việc tiếp theo theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng Ban An toàn Sức khỏe Môi trường và Tổ chuyên gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT TCT (để b/c);
- TGD TCT (để b/c);
- BKS TCT (e-copy);
- Lưu: VT, ATSKMT (HTT).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ngô Văn Chiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu: Tư vấn đánh giá kỹ thuật và lập báo cáo đề xuất đầu tư cho các nhà máy nhiệt điện của PV Power đáp ứng QCVN 19:2024 về khí thải công nghiệp

Phát hành ngày: ____ / ____ / 2026

Ban hành kèm theo Quyết định: ____ /QĐ-ĐLĐK ngày ____ / ____ / 2026

Bên mời thầu: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Chiến

MỤC LỤC

<u>TỪ NGỮ VIẾT TẮT</u>	5
<u>PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU</u>	6
<u>CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU</u>	7
<u>CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU</u>	20
<u>CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐT</u>	22
<u>CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DƯ THẦU</u>	34
<u>PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU</u>	54
<u>CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT</u>	55
<u>PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG</u>	62
<u>CHƯƠNG VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG</u>	63
<u>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KIỆN CU THỂ CỦA HỢP ĐỒNG</u>	68
<u>CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG</u>	72

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TBMT	Thông báo mời thầu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSĐT	Hồ sơ dự thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
VND	đồng Việt Nam
DVTV	Dịch vụ tư vấn
PV Power	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Bên mời thầu quy định tại BDL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, tên dự án, thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định trong TBMT trên website www.pvpower.vn</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDT hoặc rút HSDT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư yêu cầu làm rõ HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu; d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho

	<p>nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của HSMT</p>	<p>6.1. HSMT bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2 Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi chủ đầu tư. HSMT do chủ đầu tư phát hành trên website www.pvpower.vn sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3 Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT</p>

	bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.
7. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
8. Thành phần của HSDT	HSDT bao gồm các thành phần sau: 8.1. Đơn dự thầu; 8.2 Thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); 8.3 Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; 8.4. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT; 8.5. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT; 8.6. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT (nếu có); 8.7. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.
9. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành HSDT.
10. Giá dự thầu và giảm giá	10.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giá trị giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí. 10.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại BDL .
11. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
12. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	12.1 Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT (đính kèm) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V. 12.2 Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.

13. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.
14. Thời hạn có hiệu lực của HSDT	14.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại BDL . 14.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.
15. Thời điểm đóng thầu	15.1 Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại TBMT. 15.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
16. Nộp, rút và sửa đổi HSDT	16.1 Nộp HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDT đối với một TBMT khi tham gia đấu thầu. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 16.2. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDT mới cho phù hợp với HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại HSDT thì HSDT đã nộp trước thời điểm HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 16.3. Rút HSDT: nhà thầu được rút HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá HSDT. 16.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDT nộp thành công đều được mở thầu để đánh giá.
17. Mở thầu	17.1. Chủ đầu tư tiến hành mở thầu và thực hiện biên bản mở thầu trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. 17.2. Biên bản mở thầu bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư;

	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
18. Bảo mật	<p>18.1 Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>18.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
19. Làm rõ HSDT	<p>19.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>19.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp hoặc trao đổi qua email.</p> <p>19.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa chủ đầu tư và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải</p>

	<p>dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.</p> <p>19.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>19.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại CDNT.</p> <p>19.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
20. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	<p>20.1 “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>20.2 “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>20.3 “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.</p>
21. Xác định tính đáp ứng của HSDT	<p>21.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 8 CDNT.</p> <p>21.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT .</p> <p>21.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>21.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT nhằm làm cho HSDT đó đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
22. Sai sót không nghiêm trọng	<p>22.1 Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.</p> <p>22.2 Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung</p>

	<p>cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.</p> <p>22.3 Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>
<p>23. Nhà thầu phụ</p>	<p>23.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 7 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>23.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>23.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>23.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu.</p> <p>23.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>23.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ</p>

	<p>này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định HSMST, HSMT; đánh giá HSDST, HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p>24. Đánh giá HSDT</p>	<p>24.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá HSDT.</p> <p>Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp, Bên mời thầu thực hiện quy trình đánh giá HSDT dưới đây:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Bên mời thầu đánh giá tính hợp lệ thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong HSDT. - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, trường hợp HSMT có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên HSDT và tài liệu đính kèm để đánh giá; - Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu; <p>Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương</p>

	<p>III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p>
<p>25. Thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu</p>	<p>25.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá HSDT;</p> <p>b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) HSMT.</p> <p>25.2. Thời gian tiến hành thương thảo được quy định tại BDL.</p> <p>25.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>25.4. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Nhiệm vụ và phạm vi công việc chi tiết của nhà thầu cần thực hiện;</p> <p>b) Chuyển giao công nghệ và đào tạo (nếu có);</p> <p>c) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;</p> <p>d) Tiến độ;</p> <p>đ) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);</p> <p>e) Bố trí điều kiện làm việc;</p> <p>g) Thương thảo về chi phí DVTV trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế của Việt Nam (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với</p>

	<p>giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;</p> <p>h) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT với nhau dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>i) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>k) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>25.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng.</p> <p>25.6. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm c Mục 4.4 CDNT.</p> <p>25.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định.</p>
<p>26. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>26.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>26.2. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>26.3. Có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>26.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại BDL.</p>
<p>27. Hủy thầu</p>	<p>27.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong HSMT;</p> <p>c) HSMT không tuân thủ quy định của Quy chế mua sắm, Quy định đấu thầu của PV Power, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm theo quy định của</p>

	<p>pháp luật.</p> <p>27.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại Mục 27.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
28. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	<p>28.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên website www.pvpower.vn trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>28.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 27.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
29. Điều kiện ký kết hợp đồng	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>29.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Dự thảo hợp đồng; Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu (nếu có); Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; Biên bản thương thảo hợp đồng; Các nội dung nêu trong HSDT và văn bản giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); Các yêu cầu nêu trong HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi HSMT (nếu có). <p>29.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 25 CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>29.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các chủ đầu tư có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>29.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
30. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>30.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu</p> <ol style="list-style-type: none"> Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.

	<p>b) Trường hợp kiến nghị lên chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL.</p> <p>30.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện Theo quy định tại BDL.</p>
--	---

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu là: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power).
CDNT 1.2	Tên gói thầu: Tư vấn lập báo cáo đề xuất đầu tư các nhà máy nhiệt điện của PVPower đáp ứng QCVN 19:2024 về khí thải công nghiệp. Tên dự án: Lập báo cáo đề xuất đầu tư các nhà máy nhiệt điện của PVPower đáp ứng QCVN 19:2024 về khí thải công nghiệp. Thời gian thực hiện hợp đồng: 04 tháng.
CDNT 3	Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh năm 2026 của PV Power.
CDNT 5.1	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với PV Power. + Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. + Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý. + Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư.
CDNT 8.7	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu.
CDNT 10.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu.
CDNT 13	Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu bao gồm: 1. Báo cáo tài chính kiểm toán được chứng thực các năm 2023, 2024, 2025 và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau: - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất; - Tờ khai quyết toán thuế có xác nhận của cơ quan quản lý thuế hoặc tờ khai quyết toán thuế điện tử và tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với tờ khai; - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận nộp cả

	năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong năm tài chính gần nhất. 2. Bảng chào giá chi tiết cho phần khảo sát theo yêu cầu tại Chương V Yêu cầu kỹ thuật.
CDNT 14.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 24	Phương pháp đánh giá: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và giá thấp nhất. Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có tổng điểm cao nhất về kỹ thuật và giá được xếp thứ nhất.
CDNT 25.2	Thời gian nhà thầu đến thương thảo hợp đồng muộn nhất là 03 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng.
CDNT 26.4	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm tất cả chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện hợp đồng ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng).
CDNT 28.1	Thời hạn đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
CDNT 29.2	Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
E-CDNT 30	Địa chỉ của Chủ đầu tư/Người có thẩm quyền: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP. Địa chỉ: Tòa nhà PV Power, số 199 đường Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024 2221 0288 Fax: 024 2221 0388.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của Nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với Nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
 - b) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật đồng thời đáp ứng thời gian theo yêu cầu của HSMT;
 - c) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
 - d) Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 14.1 CDNT;
 - đ) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là Nhà thầu chính (Nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;
 - e) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu;
 - h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT.
- Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm (100 điểm), bao gồm các nội dung sau đây:

A. Tiêu chuẩn tiên quyết

- HSDT của Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng tiêu chuẩn tiên quyết khi có ít nhất 01 hợp đồng tư vấn (lập/thẩm tra BC Nghiên cứu khả thi hoặc Thiết kế) cho dự án cải tạo hệ thống khí thải hoặc xây dựng mới nhà máy nhiệt điện công suất tổ máy ≥ 300 MW đã hoàn thành trong 10 năm gần đây và 01 hợp đồng tư vấn thiết kế/ nghiên cứu khả thi cho nhà máy nhiệt điện khí công suất tổ máy Turbine khí ≥ 250 MW đã hoàn thành trong vòng 10 năm gần đây (Tài liệu chứng minh: (i) Hợp đồng tư vấn; (ii) Bản xác nhận hoàn thành công việc tư vấn của Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư hoặc Biên bản nghiệm thu báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc biên bản/văn bản chứng minh Nhà thầu đã hoàn thành công việc tư vấn theo hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư).
- Nhà thầu có HSDT đáp ứng tiêu chuẩn tiên quyết được xem xét, đánh giá các bước tiếp theo.
- Nhà thầu có HSDT không đáp ứng tiêu chuẩn tiên quyết sẽ được đánh giá đạt “0” điểm kỹ thuật và không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

B. Tiêu chuẩn khác

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm
				tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu	20		14
1.1	<i>Số lượng hợp đồng tư vấn (lập/thẩm tra BC Nghiên cứu khả thi hoặc Thiết kế) cho dự án cải tạo hệ thống khí thải hoặc xây dựng mới nhà máy nhiệt điện công suất tổ máy ≥ 300 MW và hợp đồng tư vấn thiết kế/ nghiên cứu khả thi cho nhà máy nhiệt điện khí công suất tổ máy Turbine khí ≥ 250 MW đã hoàn thành trong vòng 10 năm gần đây (Tài liệu chứng minh: (i) Hợp đồng tư vấn; (ii) Bản xác nhận hoàn thành công việc tư vấn của Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư hoặc Biên bản nghiệm thu báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc biên bản/văn bản chứng minh Nhà thầu đã hoàn thành công việc tư vấn theo hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư):</i>	10		

	≥ 2 hợp đồng mỗi loại.		10	
	01 hợp đồng mỗi loại.		6	
	< 01 hợp đồng.		0	
1.2	<i>Số năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn năng lượng:</i>	5		
	≥ 15 năm.		5	
	10 năm đến < 15 năm.		3	
	< 10 năm.		0	
1.3	<i>Có năng lực tài chính lành mạnh:</i>	5		
	<i>- Giá trị tài sản ròng (bằng tổng tài sản trừ tổng nợ) năm 2025 có giá trị dương;</i>			
	<i>- Doanh thu trung bình 03 năm 2023, 2024, 2025 có giá trị > 05 tỷ đồng.</i>			
	Đáp ứng yêu cầu.		5	
	Không đáp ứng yêu cầu.		0	
2	Giải pháp và phương pháp luận	30		21
2.1	Khảo sát, thu thập số liệu: <i>Phương án khảo sát, thu thập số liệu nêu đầy đủ công việc dự kiến theo yêu cầu của HSMT; Nhà thầu có đề xuất các nhiệm vụ chi tiết sẽ triển khai để hoàn thành từng công việc dự kiến đã nêu, các nhiệm vụ chi tiết do Nhà thầu đề xuất đều hợp lý, logic, phù hợp với yêu cầu của HSMT.</i>	10		
	Đáp ứng yêu cầu.		10	

	Nêu đầy đủ công việc dự kiến theo yêu cầu của HSMT; có đề xuất các nhiệm vụ chi tiết sẽ triển khai để hoàn thành từng công việc dự kiến đã nêu, các nhiệm vụ chi tiết do Nhà thầu đề xuất tuy chưa hoàn toàn hợp lý, logic, nhưng cơ bản phù hợp với yêu cầu của HSMT.		6	
	Không nêu hoặc nêu không đầy đủ công việc dự kiến theo yêu cầu của HSMT; hoặc không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ các nhiệm vụ chi tiết sẽ triển khai để hoàn thành từng công việc dự kiến đã nêu; hoặc các nhiệm vụ chi tiết do Nhà thầu đề xuất không hợp lý, logic, phù hợp với yêu cầu của HSMT.		0	
2.2	Thuyết minh báo cáo: <i>Phương án thuyết minh báo cáo nêu đầy đủ các đầu mục của báo cáo dự kiến theo yêu cầu của HSMT; Nhà thầu có đề xuất các nhiệm vụ chi tiết sẽ triển khai để hoàn thành các đầu mục báo cáo đã nêu, các nhiệm vụ chi tiết do Nhà thầu đề xuất đều hợp lý, logic, phù hợp với yêu cầu của HSMT.</i>		10	
	Đáp ứng yêu cầu		10	
	Nêu đầy đủ các đầu mục của báo cáo dự kiến theo yêu cầu của HSMT; có đề xuất các nhiệm vụ chi tiết sẽ triển khai để hoàn thành các đầu mục báo cáo đã nêu, các nhiệm vụ chi tiết do Nhà thầu đề xuất tuy chưa hoàn toàn hợp lý, logic, nhưng cơ bản phù hợp với yêu cầu của HSMT.		6	

	Không nêu hoặc nêu không đầy đủ các đầu mục của báo cáo dự kiến theo yêu cầu của HSMT; hoặc không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ các nhiệm vụ chi tiết sẽ triển khai để hoàn thành các đầu mục báo cáo đã nêu; hoặc các nhiệm vụ chi tiết do Nhà thầu đề xuất không hợp lý, logic, phù hợp với yêu cầu của HSMT.		0	
2.3	Kế hoạch triển khai, thời gian thực hiện	10		
2.3.1	<i>Kế hoạch triển khai, huy động nhân sự đề xuất trong HSDT được breakdown chi tiết thành các nhiệm vụ cụ thể phù hợp với các phương án đã nêu, sơ đồ hóa theo trình tự thời gian, có phương án phân công/huy động nhân sự thực hiện phù hợp về chuyên môn, tiến độ:</i>	5		
	Đáp ứng yêu cầu		5	
	Kế hoạch triển khai, huy động nhân sự chưa hoàn toàn hợp lý, logic, nhưng cơ bản phù hợp với yêu cầu của HSMT.		3	
	Không nêu hoặc nêu không đầy đủ kế hoạch triển khai, huy động nhân sự theo yêu cầu nêu trên hoặc kế hoạch triển khai, huy động nhân sự đề xuất không hợp lý, logic, phù hợp với yêu cầu của HSMT.		0	
2.3.2	<i>Thời gian thực hiện hợp đồng:</i>	5		
	< 115 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.		5	
	115 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.		3	
	> 115 ngày hoặc không đề xuất.		0	

3	Nhân sự: Nhà thầu phải đề xuất đầy đủ số lượng, chức danh nhân sự theo yêu cầu tại Bảng số 02 – Chương V Điều khoản tham chiếu (các nhân sự đề xuất không được kiêm nhiệm nhiều chức danh). Trường hợp Nhà thầu đề xuất không đầy đủ số lượng, chức danh nhân sự theo yêu cầu nêu trên sẽ được chấm “0 điểm” cho Mục số 3 này.	50		35
3.1	Nhóm quản lý:	30		
3.1.1	01 Chủ nhiệm dự án			
	<i>Trình độ chuyên môn chuyên ngành cơ – điện</i>	2		
	Đại học trở lên		2	
	Dưới đại học		0	
	<i>Chứng chỉ hành nghề thiết kế điện, cơ điện công trình Hạng I còn hiệu lực</i>	1		
	Có		1	
	Không có		0	
	<i>Số năm kinh nghiệm trong chuyên ngành cơ – điện</i>	1		
	> 15 năm		1	
	≤ 15 năm		0	
	<i>Đã tham gia tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án cải tạo hệ thống khí thải hoặc xây dựng mới cho Nhà máy nhiệt điện có công suất ≥ 300MW hoặc thiết kế/ nghiên cứu khả thi cho nhà máy nhiệt điện khí công suất tổ máy Turbine khí ≥ 250 MW</i>	3		
	≥ 2 dự án		3	
	01 dự án		2	
	< 01 dự án		0	

	<i>Kinh nghiệm làm việc ở vị trí Chủ nhiệm dự án/Chủ trì dự án liên quan đến tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án cải tạo hệ thống khí thải hoặc xây dựng mới cho Nhà máy nhiệt điện có công suất $\geq 300\text{MW}$ hoặc thiết kế/ nghiên cứu khả thi cho nhà máy nhiệt điện khí công suất tổ máy Turbine khí $\geq 250\text{ MW}$</i>	3		
	≥ 02 dự án		3	
	01 dự án		2	
	< 01 dự án		0	
3.1.2	01 Chủ trì công nghệ/ cơ nhiệt			
	<i>Trình độ chuyên môn chuyên ngành cơ – nhiệt</i>	1		
	Đại học trở lên		1	
	Dưới đại học		0	
	<i>Chứng chỉ hành nghề thiết kế điện, cơ nhiệt công trình Hạng I còn hiệu lực</i>	1		
	Có		1	
	Không có		0	
	<i>Số năm kinh nghiệm trong chuyên ngành cơ – nhiệt</i>	1		
	> 10 năm		1	
	≤ 10 năm		0	
	<i>Đã tham gia tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án cải tạo hệ thống khí thải hoặc xây dựng mới cho Nhà máy nhiệt điện có công suất $\geq 300\text{MW}$ hoặc thiết kế/ nghiên cứu khả thi cho nhà máy nhiệt điện khí công suất tổ máy Turbine khí $\geq 250\text{ MW}$</i>	2		
	Có		2	
	Không có		0	
3.1.3	01 Chủ trì xây dựng			
	<i>Trình độ chuyên môn chuyên ngành xây dựng</i>	1		

	Đại học trở lên		1	
	Dưới đại học		0	
	<i>Chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình Hạng I còn hiệu lực</i>	1		
	Có		1	
	Không có		0	
	<i>Số năm kinh nghiệm trong chuyên ngành xây dựng</i>	1		
	> 10 năm		1	
	≤ 10 năm		0	
	<i>Đã tham gia tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án cải tạo hệ thống khí thải hoặc xây dựng mới cho Nhà máy nhiệt điện có công suất ≥ 300MW hoặc thiết kế/ nghiên cứu khả thi cho nhà máy nhiệt điện khí công suất tổ máy Turbine khí ≥ 250 MW</i>	2		
	Có		2	
	Không có		0	
3.1.4	Chủ trì điện và C&I			
	<i>Trình độ chuyên môn chuyên ngành điện/ đo lường, điều khiển</i>	1		
	Đại học trở lên		1	
	Dưới đại học		0	
	<i>Chứng chỉ hành nghề thiết kế điện, đo lường/ điều khiển công trình Hạng I còn hiệu lực</i>	1		
	Có		1	
	Không có		0	
	<i>Số năm kinh nghiệm trong chuyên ngành điện, đo lường/ điều khiển</i>	1		
	> 10 năm		1	
	≤ 10 năm		0	

	<i>Đã tham gia tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án cải tạo hệ thống khí thải hoặc xây dựng mới cho Nhà máy nhiệt điện có công suất $\geq 300MW$ hoặc thiết kế/ nghiên cứu khả thi cho nhà máy nhiệt điện khí công suất tổ máy Turbine khí $\geq 250 MW$</i>	2		
	Có		2	
	Không có		0	
3.1.5	Chủ trì môi trường			
	<i>Trình độ chuyên môn chuyên ngành môi trường</i>	1		
	Đại học trở lên		1	
	Dưới đại học		0	
	<i>Số năm kinh nghiệm trong chuyên ngành môi trường</i>	1		
	> 10 năm		1	
	≤ 10 năm		0	
	<i>Đã tham gia tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Nhà máy nhiệt điện có công suất $\geq 300MW$ hoặc nhà máy nhiệt điện khí công suất tổ máy Turbine khí $\geq 250 MW$</i>	3		
	≥ 02 dự án		3	
	01 dự án		2	
	< 01 dự án		0	
3.1.6	Chủ trì dự toán, phân tích kinh tế			
	<i>Trình độ chuyên môn chuyên ngành tài chính, kinh tế</i>	1		
	Đại học trở lên		1	
	Dưới đại học		0	
	<i>Số năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tài chính</i>	1		
	> 10 năm		1	
	≤ 10 năm		0	

	<i>Đã tham gia tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án có quy mô tương tự</i>	3		
	<i>≥ 02 dự án</i>		3	
	<i>01 dự án</i>		2	
	<i>< 01 dự án</i>		0	
3.2	Nhóm thực hiện:	20		
3.2.1	03 Kỹ sư/Chuyên gia công nghệ:	6		
	<i>- Trình độ chuyên môn chuyên ngành cơ khí hoặc cơ nhiệt từ Đại học trở lên;</i>			
	<i>- Có Chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ – điện công trình từ hạng II trở lên còn hiệu lực;</i>			
	<i>- Số năm kinh nghiệm trong chuyên ngành cơ khí hoặc cơ nhiệt > 5 năm.</i>			
	03 nhân sự đề xuất đáp ứng		6	
	02 nhân sự đề xuất đáp ứng		4	
	01 nhân sự đề xuất đáp ứng		2	
	Không có nhân sự đề xuất đáp ứng		0	
3.2.2	02 Kỹ sư/Chuyên gia điện và C&I	4		
	<i>- Trình độ chuyên môn chuyên ngành điện hoặc tự động hoá từ Đại học trở lên;</i>			
	<i>- Có Chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ – điện công trình từ hạng II trở lên còn hiệu lực;</i>			
	<i>- Số năm kinh nghiệm trong chuyên ngành điện > 5 năm.</i>			
	02 nhân sự đề xuất đáp ứng		4	
	01 nhân sự đề xuất đáp ứng		2	
	Không có nhân sự đề xuất đáp ứng		0	
3.2.3	02 Kỹ sư/Chuyên gia xây dựng:	4		
	<i>- Trình độ chuyên môn chuyên ngành xây dựng từ Đại học trở lên;</i>			
	<i>- Có Chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình hoặc thiết kế xây dựng công trình đường thủy nội địa/hàng hải từ hạng II trở lên còn hiệu lực;</i>			

	- Số năm kinh nghiệm trong chuyên ngành xây dựng > 5 năm.			
	02 nhân sự đề xuất đáp ứng		4	
	01 nhân sự đề xuất đáp ứng		2	
	Không có nhân sự đề xuất đáp ứng		0	
3.2.4	01 Kỹ sư/Chuyên gia môi trường:	2		
	- Trình độ chuyên môn chuyên ngành môi trường từ Đại học trở lên;			
	- Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực môi trường > 5 năm.			
	Đáp ứng		2	
	Không đáp ứng		0	
3.2.5	02 Chuyên gia dự toán, phân tích kinh tế:	4		
	- Trình độ chuyên môn chuyên ngành tài chính/kinh tế từ Đại học trở lên;			
	- Có Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng từ hạng II trở lên còn hiệu lực;			
	- Số năm kinh nghiệm trong chuyên ngành xây dựng/kinh tế > 5 năm.			
	02 nhân sự đề xuất đáp ứng		4	
	01 nhân sự đề xuất đáp ứng		2	
	Không có nhân sự đề xuất đáp ứng		0	
TỔNG CỘNG			100	70

Nhân sự chủ chốt nêu tại nội dung số 3 của bảng trên có hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn ký với nhà thầu. Trường hợp sử dụng một số nhân sự chủ chốt không thuộc quản lý của nhà thầu thì phải nêu rõ lý do.

HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với ít nhất một trong các tiêu chuẩn kinh nghiệm và năng lực, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Bước 1: Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định;

Bước 3: Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

TT	Biểu mẫu	Cách thực hiện
	Mẫu số 01. Đơn dự thầu	01 bản gốc và 01 bản scan usb đính kèm
	Mẫu số 02. Giấy ủy quyền	
	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh	
	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu	
	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu	
	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện DVTV	
	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn	
	Mẫu số 08: Phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh	
	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV	
	Mẫu số 10: Tiến độ thực hiện công việc	
	Mẫu số 11A. Bảng thù lao cho chuyên gia	
	Mẫu số 11B. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia	
	Mẫu số 12. Chi phí khác cho chuyên gia	
	Mẫu số 13. Tổng hợp chi phí	

Mẫu số 01**ĐƠN DỰ THẦU**

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Tên dự án: *[ghi tên dự án]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ *[ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[ghi tên Nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* ⁽²⁾ cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là: ____ *[ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* ⁽³⁾.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]* ⁽⁴⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là Nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____ ⁽⁵⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁶⁾.

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu ⁽⁷⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, Nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ hoàn thành nêu trong HSDT.

(5) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(6) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 20.1 **BDL**.

(7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp Nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thực hiện như đối với Nhà thầu độc lập. Nếu Nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 5 CDNT.

Mẫu số 02**GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾**

Hôm nay, ngày _____ tháng _____ năm _____, tại _____
 Tôi là _____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện
 theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _____ [ghi tên
 nhà thầu] có địa chỉ tại _____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy
 quyền cho _____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được
 ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói
 thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [ghi tên dự án] do _____
 [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia
 đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E-HSMT và văn bản giải trình, làm rõ E-
 HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền
 với tư cách là đại diện hợp pháp của _____ [ghi tên nhà thầu]. _____ [ghi tên
 người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những
 công việc do _____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy
 quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày _____ đến ngày _____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này
 được lập thành _____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền
 giữ _____ bản, người được ủy quyền giữ _____ bản, Bên mời thầu
 giữ _____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
 (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật
 của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
 dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì scan bản gốc giấy ủy quyền đính kèm cùng E-HSDT. Bản gốc
 của giấy ủy quyền phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo
 thứ tự liên tục và được người đại diện theo pháp luật của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Việc
 ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi
 nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo
 pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng
 con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà
 cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho
 người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên. Trường hợp người đại diện
 theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho giám đốc chi nhánh, giám đốc công ty con hạch
 toán phụ thuộc, giám đốc xí nghiệp... thì việc tham dự thầu trên Hệ thống phải được thực hiện
 bằng chứng thư số của nhà thầu mà không được sử dụng chứng thư số của chi nhánh, công ty
 con, xí nghiệp... Đối với trường hợp sử dụng chứng thư số của chi nhánh hoặc các đơn vị phụ
 thuộc (hạch toán phụ thuộc) thì nhà thầu sẽ bị coi là không đáp ứng về tư cách hợp lệ theo quy
 định tại Mục 5 Chương I".

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: _____

Gói thầu: _____

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ HSMT gói thầu: _____ với số TBMT: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ thuộc dự án/dự toán mua sắm _____

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ [làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾]:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSDT cho cả liên danh.
[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- _____ - _____	- _____ % - _____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- _____ - _____	- _____ % - _____ %
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu _____ thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ theo thông báo của chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký]

Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

Mẫu số 04**CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN****A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu**

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng *[Ghi số năm]*¹ 10 năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ).

Tên dự án	
Địa điểm thực hiện	
Tên chủ đầu tư	
Tên gói thầu	
Giá hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện)	
Tư cách tham dự thầu (ghi rõ tham dự thầu độc lập hoặc liên danh hoặc nhà thầu phụ)	
Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong hợp đồng (nêu rõ từ ngày... đến ngày...)	
Thời gian thực tế đã thực hiện (nêu rõ từ ngày... đến ngày.... Trường hợp chậm trễ thực hiện hợp đồng thì nêu rõ lý do)	
Tóm tắt các công việc cụ thể mà nhà thầu đã thực hiện theo hợp đồng	

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với gói thầu đơn giản thì có thể quy định ít hơn 3 năm).

Mẫu số 05

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN
THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

Mẫu số 06

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ
XUẤT ĐỀ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất về kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận
2. Kế hoạch công tác
3. Tổ chức và nhân sự

Mẫu số 07

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Vị trí dự kiến đảm nhiệm: _____

Tên nhà thầu: _____

Họ tên chuyên gia: _____

Nghề nghiệp: _____

Ngày, tháng, năm sinh: _____

Tham gia tổ chức nghề nghiệp: _____

Quá trình công tác:

Thời gian	Tên cơ quan đơn vị công tác	Thông tin tham chiếu	Vị trí công việc đảm nhận
Từ tháng/năm đến tháng/năm	(<i>nêu tên, điện thoại, email của người được tham chiếu để kiểm chứng thông tin</i>)

Nhiệm vụ dự kiến được phân công trong gói thầu:

Chi tiết nhiệm vụ dự kiến được phân công trong gói thầu:	Nêu kinh nghiệm thực hiện những công việc, nhiệm vụ liên quan trước đây để chứng minh khả năng thực hiện công việc, nhiệm vụ được phân công
[<i>Nêu các hạng mục công việc trong Mẫu 9 mà chuyên gia được phân công thực hiện</i>]	
...	

Năng lực:

[*Mô tả chi tiết kinh nghiệm và các khóa đào tạo đã tham dự đáp ứng phạm vi công tác được phân công. Trong phần mô tả kinh nghiệm cần nêu rõ nhiệm vụ được phân công cụ thể trong từng dự án và tên/địa chỉ của chủ đầu tư/bên mời thầu.*]

Trình độ học vấn:

[*Nêu rõ các bằng cấp liên quan, tổ chức cấp bằng, thời gian học và loại bằng cấp*]

Ngoại ngữ:

[*Nêu rõ trình độ ngoại ngữ*]

Thông tin liên hệ:

[*Nêu rõ tên, số điện thoại, e-mail của người cần liên hệ để đối chiếu thông tin*]

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[*Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên*]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan bản chụp hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng HSDT.

Mẫu số 08

**PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÔNG VIỆC TRONG THỎA
THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾**

Tên nhà thầu liên danh:

STT	Tên	Mã số doanh nghiệp	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		- _____	- _____%
2	Tên thành viên thứ 2		- _____	- _____%
....
Tổng cộng			Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Ghi chú:

Nhà thầu nhập theo thỏa thuận liên danh đã ký kết.

Mẫu số 09

**DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN
 DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bố trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	... ²	
I Nhân sự chủ chốt³									
1	Nguyễn Văn A				[Công ty]				
					[Thực địa]				
2					[Công ty]				
					[Thực địa]				
								
	Số công nhân sự chủ chốt								
II Nhân sự khác									
1					[Công ty]				
					[Thực địa]				
2				[Công ty]				
					[Thực địa]				
	Số công nhân sự khác								

Mẫu số 10

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]							
		1	2	3	4	5	n	Tổng
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

Ghi chú:

(1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.

(2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ và tên	Chức danh bộ trí trong gói thầu	Địa điểm làm việc	Thù lao/tháng người (1)	Số tháng người (2)	Thù lao cho chuyên gia (3) = (1) x (2)	Tổng 1 (4)
I Nhân sự chủ chốt							
1			Công ty			(a)	(a) + (b)
			Thực địa			(b)	
2			Công ty				
			Thực địa				
II Nhân sự khác							
1			Công ty				
			Thực địa				
2			Công ty				
			Thực địa				
Tổng cộng							(A)

Ghi chú: (1), (2): nhà thầu nhập

(3), (4): hệ thống tự tính

Mẫu số 11B

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

Đồng tiền sử dụng:

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹ % của (3)	Chi phí quản lý chung ¹⁰ % của (3)	Cộng =(3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp nhà	Chi phí trả cho chuyên gia/ tháng =(6)+(7)+(8)	Số tháng người	Thù lao cho chuyên gia =(9) x (10)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1											
2											
...											
Tổng chi phí											

Ghi chú. Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

¹ Chi phí xã hội, chi phí quản lý chung bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành; chi phí quản lý của đơn vị quản lý, sử dụng chuyên gia... Nhà thầu liệt kê các chi phí này kèm theo các tài liệu chứng minh.

Mẫu số 12

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/ đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]			(1) x (2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					(B)

Mẫu số 13

TỔNG HỢP CHI PHÍ

Hạng mục	Chi phí
Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Thuế các loại	(C)
Tổng chi phí (hệ thống tự động tính)	$A + B + C$

Mục A và Mục B từ Mẫu số 11a và Mẫu số 12.

Phần 2. YÊU CẦU KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Luật Xây dựng hiện hành;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;
 - Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đấu thầu theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;
 - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 35/2018/QH14.
 - Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
 - Nghị định số 225/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.
 - Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
 - Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn quốc gia về môi trường.
 - QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

2. Khái quát về dự án nghiên cứu

2.1. Giới thiệu chung

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power) hiện đang quản lý và vận hành 06 nhà máy nhiệt điện lớn bao gồm:

- Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1: công suất đặt 1200 MW, sử dụng nhiên liệu than cám 5A;
- Nhà máy điện Nhơn Trạch 1: công suất đặt 450 MW, sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên;
- Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4: công suất đặt 1624 MW, sử dụng nhiên liệu khí LNG;
- Nhà máy điện Cà Mau 1 & Cà Mau 2: Công suất đặt 1500 MW, sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên.

Việc duy trì hoạt động ổn định, tin cậy và hiệu quả của các nhà máy điện là yêu cầu quan trọng nhằm đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục cho hệ thống điện quốc gia.

2.2. Sự cần thiết phải đánh giá kỹ thuật và lập báo cáo đề xuất đầu tư cho các nhà máy nhiệt điện của PV Power đáp ứng QCVN 19:2024 về khí thải công nghiệp.

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power) hiện đang quản lý và vận hành nhiều nhà máy điện với tổng công suất lớn, cung cấp sản lượng điện đáng kể cho hệ thống điện quốc gia, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, việc duy trì hoạt động ổn định, tin cậy và hiệu quả của các nhà máy điện là yêu cầu quan trọng nhằm đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục cho hệ thống điện quốc gia;

Bên cạnh đó, các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường ngày càng được hoàn thiện với các yêu cầu ngày càng chặt chẽ đối với hoạt động kiểm soát phát thải công nghiệp. Đặc biệt, việc tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2024/BTNMT) là yêu cầu bắt buộc đối với các nguồn thải công nghiệp, trong đó quy định các giới hạn tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm như bụi tổng, SO₂, NO_x và các chất vô cơ khác trong khí thải trước khi thải ra môi trường;

Đồng thời hệ thống xử lý khí thải và các giải pháp kiểm soát môi trường sau thời gian dài vận hành, một số hệ thống, thiết bị xử lý khí thải có thể phát sinh hiện tượng suy giảm hiệu suất hoặc thay đổi chế độ vận hành, cần được khảo sát, đánh giá lại nhằm xác định chính xác hiện trạng phát thải và hiệu quả vận hành của hệ thống xử lý khí thải;

Đối với nhà máy nhiệt điện than, các ngưỡng phát thải được quy định ở mức NO_x ≤ 120 mg/Nm³, SO₂ ≤ 120 mg/Nm³ và bụi ≤ 20 mg/Nm³. Trong khi đó, đối với các nhà máy điện khí, giới hạn NO_x cũng được hạ thấp đáng kể, về cơ bản buộc các tổ máy thể hệ cũ phải rà soát lại cấu hình buồng đốt, chiến lược vận hành cũng như khả năng cải tạo công nghệ để đáp ứng yêu cầu mới.

Việc nâng cấp cải tạo các hệ thống thiết bị xử lý khí thải hiện hữu tại các nhà máy nhiệt điện của PV Power, so sánh với các tiêu chuẩn phát thải hiện hành và các tiêu chuẩn sẽ được áp dụng trong tương lai (01/01/2032) là hết sức cần thiết. Công việc này nhằm đánh giá toàn diện hiện trạng vận hành của các hệ thống phát thải, mức độ đáp ứng các quy chuẩn môi trường hiện hành, đặc biệt là QCVN 19:2024/BTNMT, đồng thời đề xuất các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát khí thải, góp phần đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn và phát triển bền vững của các nhà máy điện thuộc PV Power.

2.3. Mục tiêu nghiên cứu

Nhằm đánh giá khả năng tuân thủ, xác định nguyên nhân gốc gây ra các thông số khí thải vượt tiêu chuẩn để từ đó đề xuất giải pháp tối ưu nhất cho từng nhà máy, xây dựng kế hoạch, lộ trình nâng cấp/cải tạo phù hợp để đảm bảo sự tuân thủ của PV Power với QCVN 19:2024/BTNMT vào cuối năm 2031

3. Phạm vi công việc của gói thầu

Đánh giá khả năng đáp ứng quy chuẩn QCVN 19:2024/BTNMT của toàn bộ các nguồn phát thải hiện có và đề xuất giải pháp, lộ trình nâng cấp/cải tạo phù hợp để đảm bảo tuân thủ vào cuối năm 2031.

Đối tượng: Toàn bộ các nhà máy nhiệt điện hiện hữu thuộc quản lý của PV Power: Vũng Áng 1, Nhơn Trạch 1, 3, 4, Cà Mau 1&2.

Nội dung công việc chi tiết cụ thể như dưới đây:

3.1. Đánh giá thực trạng và khảo sát hiện trường

Tư vấn phải thực hiện khảo sát thực tế để nhận định khả năng cải tạo, nâng cấp dựa trên địa hình và công nghệ hiện hữu. Cụ thể:

- Phân tích nồng độ khí thải: Đánh giá chi tiết các thông số (bụi, SO_x, NO_x, CO) theo các trạng thái vận hành: lên máy, xuống máy, đầy tải và thấp tải. Xác định khoảng cách giữa nồng độ phát thải hiện tại so với ngưỡng yêu cầu của QCVN 19:2024/BTNMT.

Lưu ý: các nhà máy đều có dữ liệu từ hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

- Kiểm kê hệ thống hiện tại: Đánh giá hiệu suất của các hệ thống xử lý hiện có (ESP, FGD, SCR đối với điện than; hệ thống nhiên liệu, công nghệ đốt và thu hồi nhiệt đối với điện khí).

- Xác định nguyên nhân: Phân tích nguyên nhân gốc rễ các yếu tố gây vượt tiêu chuẩn, bao gồm thiết bị cũ, công nghệ lạc hậu, chế độ vận hành chưa tối ưu hay do thiết bị giám sát chưa chính xác.

3.2. Nghiên cứu công nghệ

Tư vấn phải đóng vai trò là "cầu nối" công nghệ cho PV Power:

- Nghiên cứu BAT (Best Available Techniques): Cập nhật các công nghệ mới nhất từ các hãng sản xuất thiết bị xử lý khí thải trên thế giới đã áp dụng thành công tại các nhà máy nhiệt điện.

3.3. Đề xuất giải pháp và báo cáo đề xuất đầu tư

Dựa trên kết quả khảo sát, Tư vấn báo cáo đề xuất các giải pháp kỹ thuật cho từng nhà máy, tổng hợp lập báo cáo đề xuất đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- Giải pháp tối ưu hóa: Điều chỉnh chế độ vận hành để giảm phát thải mà không cần đầu tư lớn.

- Giải pháp cải tạo/nâng cấp: Nâng cấp hệ thống/ thiết bị hiện hữu
- Giải pháp thay thế hoặc đầu tư/ lắp đặt thêm hệ thống/ thiết bị mới.
- Với mỗi thông số phát thải cần xử lý, đề xuất ít nhất 03 giải pháp để lựa chọn, kèm theo nhà cung cấp thiết bị.
 - Phân tích đa chiều: Mỗi giải pháp đề xuất phải phân tích rõ:
 - + Hiệu quả xử lý khí thải.
 - + Độ sẵn sàng công nghệ (giải pháp đã được áp dụng có hiệu quả ở các nhà máy khác).
 - + Khả năng lắp đặt trên mặt bằng hiện hữu của từng nhà máy.
- Sơ bộ giải pháp xây dựng, kết cấu và kiến trúc, giải pháp cấp nguồn điện.
 - + Ước tính CAPEX (chi phí lắp đặt) và OPEX (chi phí vận hành). Từ đó ước tính tác động giá trị giá điện tăng thêm
 - So sánh ưu/nhược điểm để lựa chọn giải pháp tối ưu nhất để tính toán sơ bộ tổng mức đầu tư và phân tích kinh tế kỹ thuật, ước tính tiến độ thực hiện
 - Lên kế hoạch tổng thể về thời gian và kinh phí cho tất cả các nhà máy, hình thức đầu tư và thực hiện dự án, cơ cấu nguồn vốn và đề xuất huy động hỗ trợ đầu tư (nếu có).

* Đối với NMNĐ Vũng Áng 1: do đơn vị đã có báo cáo đề xuất đầu tư lập tháng 10/2025, trong khuôn khổ gói thầu này sẽ thẩm định báo cáo nêu trên dựa trên các tiêu chí như đã nêu ở trên. Trong trường hợp các nội dung báo cáo chưa đạt như các yêu cầu nêu trên, thì nhà thầu đánh giá và báo cáo bổ sung cho các nội dung đó. Ngoài ra, theo định hướng chuyển đổi nhiên liệu của chính phủ theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Tổng sơ đồ 8), cần xem xét tính toán phát thải cho trường hợp đốt kèm nhiên liệu ammoniac (tới 20%).

4. Thuyết minh Báo cáo tổng thể

➤ Chương 1: Tổng quan

- Giới thiệu chung về các nhà máy điện trong phạm vi đánh giá;
- Mô tả các hoạt động khảo sát, nghiên cứu, đánh giá đã thực hiện;
- Sơ bộ hướng đề xuất giải pháp với từng nhà máy

➤ Chương 2: Đánh giá thực trạng

- Căn cứ pháp lý;
- Thông số thiết kế hệ thống công nghệ hiện tại và hiện trạng khói thải
- Đánh giá khả năng đáp ứng của hệ thống với QCVN 19:2024, phân tích chi tiết theo các trạng thái vận hành máy (lên máy, xuống máy, đầy tải, thấp tải)
- Kiểm kê hệ thống hiện tại: Đánh giá hiệu suất của các hệ thống xử lý hiện

có (ESP, FGD, SCR đối với điện than; hệ thống nhiên liệu, công nghệ đốt và thu hồi nhiệt đối với điện khí).

- Sự cần thiết phải nâng cấp/ cải tạo/ tối ưu hoá quy trình vận hành....

➤ **Chương 3: Nghiên cứu công nghệ và đề xuất giải pháp**

Xác định nguyên nhân: Phân tích nguyên nhân gốc rễ các yếu tố gây vượt tiêu chuẩn, bao gồm thiết bị cũ, công nghệ không đạt yêu cầu, chế độ vận hành chưa tối ưu hay do thiết bị giám sát chưa chính xác.

Dựa trên kết quả khảo sát, Tư vấn báo cáo đề xuất các giải pháp kỹ thuật cho từng nhà máy, tổng hợp lập báo cáo đề xuất đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- Giải pháp tối ưu hóa: Điều chỉnh chế độ vận hành để giảm phát thải mà không cần đầu tư lớn.

- Giải pháp cải tạo/nâng cấp: Nâng cấp hệ thống/ thiết bị hiện hữu

- Giải pháp thay thế hoặc đầu tư/ lắp đặt thêm hệ thống/ thiết bị mới.

- Với mỗi thông số phát thải cần xử lý, đề xuất ít nhất 03 giải pháp để lựa chọn, kèm theo nhà cung cấp thiết bị.

- Phân tích đa chiều: Mỗi giải pháp đề xuất phải phân tích rõ:

+ Hiệu quả xử lý khí thải.

+ Độ sẵn sàng công nghệ (giải pháp đã được áp dụng có hiệu quả ở các nhà máy khác).

+ Khả năng lắp đặt trên mặt bằng hiện hữu của từng nhà máy.

Sơ bộ giải pháp xây dựng, kết cấu và kiến trúc, giải pháp cấp nguồn điện.

+ Ước tính CAPEX (chi phí lắp đặt) và OPEX (chi phí vận hành). Từ đó ước tính tác động giá trị giá điện tăng thêm

- So sánh ưu/nhược điểm để lựa chọn giải pháp tối ưu nhất để tính toán sơ bộ tổng mức đầu tư và phân tích kinh tế kỹ thuật, ước tính tiến độ thực hiện

➤ **Chương 4: Đánh giá, thẩm định báo cáo của Vũng Áng 1**

Đánh giá, thẩm định báo cáo đề xuất đầu tư cho nmnđ Vũng Áng 1 đã thực hiện vào tháng 10/2025 trên các tiêu chí như đã nêu ở trên.

Bổ sung nội dung tính toán, phân tích cho trường hợp đốt kèm nhiên liệu ammoniac tới 20%.

➤ **Chương 5: Giải pháp tổng thể**

- Đưa ra kế hoạch tổng thể về thời gian và đề xuất các giải pháp kinh phí cho tất cả các nhà máy, hình thức đầu tư và thực hiện dự án, cơ cấu nguồn vốn và đề xuất ưu đãi hỗ trợ đầu tư (nếu có)

4.1. Bản vẽ thiết kế cơ sở

- Bản vẽ tổng mặt bằng;

- Các bản vẽ về phương án kỹ thuật, công nghệ;

- Các bản vẽ kiến trúc; bản vẽ kết cấu...

4.2. Tính toán Tổng mức đầu tư

- Các bảng tính toán giá trị Tổng mức đầu tư;
- Các bảng tính phân tích hiệu quả về tài chính.

5. Yêu cầu về Tổ chức/Chuyên gia tư vấn

- Tổ chức tham gia thực hiện gói thầu phải có năng lực hoạt động xây dựng phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu.

- Kỹ sư/Chuyên gia đảm nhận vị trí Chủ nhiệm dự án phải có chuyên môn, chứng chỉ phù hợp, có trên 15 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực liên quan.

- Các kỹ sư/chuyên gia về các lĩnh vực chuyên ngành Cơ khí, Công nghệ, Cơ nhiệt, Điện, Xây dựng, C&I, Khảo sát phải có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng từ hạng II trở lên, có trên 05 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực liên quan.

- Các kỹ sư/chuyên gia dự toán phải có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng II trở lên, có trên 05 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực liên quan.

Chức danh, số lượng và thời gian làm việc yêu cầu của các chuyên gia như Bảng sau:

Bảng số 02

TT	Chức danh	Số người	Thời gian làm việc (Ngày)
I	Nhóm quản lý		
1	Chủ nhiệm dự án	01	110
2	Chủ trì công nghệ/ cơ nhiệt	01	100
3	Chủ trì xây dựng	01	80
4	Chủ trì điện và C&I	01	100
5	Chủ trì môi trường	01	80
6	Chủ trì dự toán, phân tích kinh tế	01	60
II	Nhóm thực hiện		
1	Kỹ sư/chuyên gia công nghệ	03	110
2	Kỹ sư/chuyên gia điện và C&I	02	100
3	Kỹ sư/chuyên gia xây dựng	02	80
4	Kỹ sư/ chuyên gia môi trường	01	80
5	Chuyên gia dự toán, phân tích kinh tế	02	80
TỔNG CỘNG		16	

6. Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện gói thầu là 04 tháng, trong đó:

- Nộp hồ sơ bản sơ bộ: 03 tháng sau khi hợp đồng được ký kết;
- Nộp hồ sơ bản chính thức: 01 tháng sau khi được PV Power góp ý, chấp thuận nội dung bản sơ bộ.

7. Sản phẩm của dịch vụ tư vấn

- Sản phẩm gồm 01 báo cáo tổng thể cho tất cả các nhà máy theo thuyết minh tại mục 4, 03 báo cáo đề xuất đầu tư cho từng đơn vị: Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 3&4, 01 báo cáo thẩm định báo cáo đề xuất đầu tư của NMNĐ Vũng Áng 1 kèm theo các nội dung bổ sung

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.
2. “Giá Hợp đồng” là tổng số tiền mà Chủ đầu tư đã thỏa thuận với Nhà thầu theo Hợp đồng.
3. “Chủ đầu tư” là tổ chức được nêu tại **ĐKCT**.
4. “Nhà thầu” là tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn cho Chủ đầu tư theo quy định của Hợp đồng này và được nêu tại **ĐKCT**.
5. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu ký kết Hợp đồng với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc đã được dự kiến trong E-HSDT.
6. “Ngày Hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại **ĐKCT**.
7. “Ngày” là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

“Tuần” là 07 Ngày. “Tháng” là 30 Ngày.

8. "Chi phí khác" là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến dịch vụ tư vấn.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng

1. Luật điều chỉnh Hợp đồng là luật Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của Hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 3. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến Hợp đồng

1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại **ĐKCT**. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.
2. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của Hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng đó.

Điều 4. Bản quyền

Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.

Điều 5. Loại Hợp đồng

Loại hợp đồng được quy định tại **ĐKCT**.

Điều 6. Thanh toán

1. Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo các nội dung quy định tại **ĐKCT**.
2. Nếu Chủ đầu tư chậm thanh toán cho Nhà thầu theo quy định tại quy định tại Khoản 1 Điều này thì Chủ đầu tư phải chịu phạt áp dụng tỷ lệ theo lãi suất tiền gửi của khách hàng cá nhân kỳ hạn 03 tháng được Hội sở Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm bắt đầu tính phạt.

Điều 7. Giá Hợp đồng

Giá Hợp đồng được Nhà thầu và Chủ đầu tư thống nhất thông qua hoàn thiện Hợp

đồng trên cơ sở phù hợp với giá trúng thầu được duyệt và được ghi cụ thể trong Hợp đồng.

Điều 8. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Hợp đồng quy định tại ĐKCT.

Điều 9. Điều chỉnh hợp đồng

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu cần phải điều chỉnh Hợp đồng thì trong khoảng thời gian nêu tại ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị điều chỉnh Hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc điều chỉnh này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết Phụ lục điều chỉnh hợp đồng.

2. Việc điều chỉnh Giá Hợp đồng phải phù hợp với loại Hợp đồng và điều kiện quy định tại Điều 5 ĐKCT.

3. Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng chỉ được thực hiện trong trường hợp sau đây:

a) Bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của Chủ đầu tư và Nhà thầu;

b) Thay đổi phạm vi công việc do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

4. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trường hợp có sự thay đổi về chính sách pháp luật của nhà nước về thuế ảnh hưởng tới Giá Hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ xem xét tăng, giảm Giá Hợp đồng một cách tương ứng.

5. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì Chủ đầu tư và Nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì Chủ đầu tư và Nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.

Điều 10. Nhân sự

1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSĐT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 26 Chương I thì Nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.

2. Trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế chuyên gia đó. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại ĐKCT, Nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu

1. Quyền của Nhà thầu:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;

b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;

c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);

d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng này.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu:

a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;

b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;

c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có);

d) Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả Ngày nghỉ) cho tới Ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;

đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng.

Điều 12. Nhà thầu phụ

1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu tại **E-ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.

Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ ngoài danh sách các Nhà thầu phụ đã được nêu tại **E-ĐKCT** chỉ được thực hiện khi Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo Giá Hợp đồng nêu tại **E-ĐKCT**.

3. Nhà thầu không được sử dụng Nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT.

4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại **E-ĐKCT**.

Điều 13. Phạt và bồi thường thiệt hại do vi phạm Hợp đồng

1. Phạt do vi phạm tiến độ thực hiện Hợp đồng

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 16 Hợp đồng này, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào Giá Hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại **ĐKCT** tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại **ĐKCT**. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 14 Hợp đồng này.

2. Bồi thường thiệt hại do vi phạm Hợp đồng

Trường hợp Nhà thầu vi phạm Hợp đồng gây thiệt hại cho Chủ đầu tư thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại.

Điều 14. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của Nhà thầu

1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu khi Nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại **ĐKCT**.
2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Nhà thầu khi phát hiện Nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.
3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo Khoản 1 Điều này, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với Nhà thầu khác để thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt.

Điều 15. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư

Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại **ĐKCT**.

Điều 16. Trường hợp bất khả kháng

1. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của một bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các điều kiện thời tiết bất lợi.

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện dịch vụ do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt Hợp đồng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 17 Hợp đồng này.

Điều 17. Giải quyết tranh chấp

1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ Ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong **ĐKCT**.

Điều 18. Thông báo

1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong **ĐKCT**.
2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ Ngày bên kia nhận được hoặc theo Ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo Ngày nào đến muộn hơn.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều	Khoản	Nội dung
1	3	Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.
	4	Nhà thầu:
	6	Hợp đồng có hiệu lực kể từ Ngày hai bên ký Hợp đồng.
3	1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến Hợp đồng phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
5		Loại hợp đồng: Trọn gói.
6	1	<p>1. Tạm ứng</p> <p>Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư nhận được văn bản đề nghị tạm ứng, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu số tiền tối đa bằng 30% giá trị hợp đồng.</p> <p>- Bảo lãnh tiền tạm ứng: Trước khi Chủ đầu tư tạm ứng tiền cho Nhà thầu thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư chứng thư bảo lãnh tiền tạm ứng vô điều kiện không hủy ngang với giá trị tương đương với tiền tạm ứng do ngân hàng uy tín phát hành được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>- Toàn bộ giá trị tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi trong lần thanh toán hợp đồng (theo quy định dưới đây).</p> <p>2. Thanh toán</p> <p>Sau khi hoàn thành tất cả các hạng mục công việc và được Chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành công việc tư vấn, Tư vấn thực hiện hết nghĩa vụ của mình và Chủ đầu tư nhận được đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, trong vòng 15 Ngày làm việc Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu số tiền còn lại (đã trừ đi phần tạm ứng hợp đồng).</p> <p>- Hồ sơ thanh toán bao gồm:</p> <p>+ Công văn đề nghị thanh toán của Nhà thầu (thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng phát sinh (nếu có), giá trị thanh toán còn lại sau khi đã trừ đi phần giá trị tạm ứng hợp đồng;</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc tư vấn thuộc phạm vi Hợp đồng có xác nhận của Chủ đầu tư và Nhà thầu và Biên bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc của Hợp đồng có xác nhận của Chủ đầu tư và Nhà thầu.</p> <p>+ Sản phẩm hoàn thiện của dịch vụ tư vấn gồm 03 bản cứng và bản điện tử.</p> <p>+ Các biên bản, tài liệu liên quan khác (nếu có).</p> <p>3. Các quy định khác</p> <p>- Phương thức tạm ứng/thanh toán: Chuyển khoản.</p> <p>- Đồng tiền tạm ứng/thanh toán: Đồng Việt Nam.</p> <p>- Hóa đơn giá trị gia tăng được xuất cho Công ty Mẹ/các chi nhánh của Bên A theo danh sách đính kèm tại hợp đồng.</p>
8		Thời gian thực hiện hợp đồng: 04 Tháng, trong đó:

		- Nộp Báo cáo sơ bộ: 03 Tháng sau khi Hợp đồng được ký kết; - Nộp Báo cáo chính thức: 01 Tháng sau khi được Chủ đầu tư góp ý, chấp thuận nội dung Báo cáo sơ bộ.
9	1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu điều chỉnh Hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu: 05 Ngày làm việc.
	2	Điều chỉnh hợp đồng: Giá hợp đồng điều chỉnh khi phạm vi công việc thay đổi và trong trường hợp bất khả kháng.
10	2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 Ngày kể từ Ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
12	1	Danh sách Nhà thầu phụ: _____ [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách Nhà thầu phụ nêu trong HSDT</i>].
	2	Tổng giá trị công việc mà Nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% Giá Hợp đồng.
	4	Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ: Không yêu cầu.
13	1	Mức khấu trừ: 03% giá trị công việc chậm thực hiện (trước thuế) cho mỗi 01 Tuần chậm. Mức khấu trừ tối đa: 12% giá trị công việc chậm thực hiện (trước thuế).
	2	Không áp dụng.
14	1	Chấm dứt Hợp đồng do sai phạm của Nhà thầu: 1. Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 20 Ngày mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ Ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó. 2. Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc, hoặc 20 Ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng. 3. Thực hiện công việc chậm quá 04 Tuần theo tiến độ đã được Chủ đầu tư phê duyệt hoặc chấp thuận điều chỉnh. 4. Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận với Chủ đầu tư. 5. Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này. 6. Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua phân xử tại Điều 17 Hợp đồng này. 7. Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư. 8. Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16 Hợp đồng này. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà

		thầu này có quyền sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.
15		<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: Nhà thầu có thể chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu 20 Ngày trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sau 20 Ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư. 2. Chủ đầu tư không thanh toán theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 17 Hợp đồng này sau 45 Ngày kể từ Ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ. 3. Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua tòa án phân xử tại Điều 17 Hợp đồng này. 4. Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng của công việc trong thời gian không dưới 30 Ngày. 5. Chủ đầu tư bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này. <p>Khi chấm dứt Hợp đồng thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.</p> <p>Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa chi phí.</p> <p>Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng: Việc thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng theo Điều 5 Hợp đồng này cho các công việc đã thực hiện trước Ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).</p>
17	2	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 15 Ngày. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia. Ngoài khoảng thời gian nêu trên nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra. <p>Trong vòng 10 Ngày kể từ Ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với Hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia bằng văn bản về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu</p>

		<p>không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.</p> <p>2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.</p> <p>Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 20 Ngày kể từ Ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên thống nhất đưa ra tòa án cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. Mọi chi phí có liên quan do bên thua kiện chịu.</p> <p>3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.</p>
18	1	<p>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam –CTCP. Địa chỉ: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 199 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024 2221 0288 Fax: 024 2221 0388.</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu:</p>

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN
(Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ _____ [Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 14/6/2005 của Quốc hội];

- Căn cứ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

- Căn cứ _____;

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện Hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký Hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên chủ đầu tư _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu

Tên nhà thầu _____ [Ghi tên nhà thầu được lựa chọn]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

Đối tượng Hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu”.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng

Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản Hợp đồng;
2. Phụ lục Hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. Biên bản hoàn thiện Hợp đồng;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của Hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
6. HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT của Nhà thầu được lựa chọn;
7. HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT;
8. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của Nhà thầu

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của Nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của Nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong **ĐKC** và **ĐKCT** của Hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo Giá Hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại **ĐKC** và **ĐKCT** của Hợp đồng.
2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi Hợp đồng này.

Điều 5. Giá Hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá Hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán nêu tại Điều 6 **ĐKCT**

Điều 6. Loại Hợp đồng

Hợp đồng này được thực hiện theo loại Hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện Hợp đồng

[Nêu thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực Hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 1 ĐKCT].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

¹ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.